

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **238/2019/HS-PT**

Ngày: 10-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2018/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 994/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

1. LÊ THIÊN CHÂN P, sinh ngày 11/10/1968 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Số 90 Đường H, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tin lành; giới tính: Nữ, Con ông Lê Thiên Tr (Chết) và bà Đào Thị Hồng L (còn sống); Có chồng là Lê H4 và có 02 con: con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/9/2017. Vắng mặt.

2. TÔ THỊ M, sinh ngày 03/02/1981 tại Ninh Bình; Nơi cư trú: Số 123/41/05 đường C4, tổ 18, phường HK, quận T6, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Dịch thuật; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ, Con ông Tô Đình K1 (c) và bà Vũ Thị Nh (còn sống); Có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Thiện Chân P:** Ông **Trần Tuấn L** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Người bị hại:** Bà **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Số 57 đường D1, tổ 24, phường H5, quận L3, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Cẩm T có ông **Vũ Cát T3**, sinh 1981, trú tại: số 91, đường Y, quận H3, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Văn phòng công chứng S. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật ông **Diệp Thanh Ph** – Chức vụ: Trưởng văn phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2014 đến năm 2017, Lê Thiện Chân P đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối như sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp, vay tiền của nhiều người rồi chiếm đoạt, đưa thông tin gian dối là có thể xin đất bố trí định cư để chiếm đoạt tiền, sử dụng số tiền chiếm đoạt được vào mục đích trả nợ cho nhiều người và các mục đích cá nhân khác với tổng số tiền chiếm đoạt 2.915.000.000đ, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của bà Lê Thị T4 số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng):

Thời điểm cuối năm 2013, thông qua quen biết bà T4 có nói chuyện với Lê Thiện Chân P về trường hợp của gia đình bà T4 bị giải tỏa, thu hồi nhiều đất nhưng 10 năm rồi vẫn không thể xin bố trí tái định cư được. Khi nghe vậy, bà P mặc dù không có mối quan hệ nào có thể xin bố trí tái định cư nhưng vẫn nói với bà T4 mình có thể làm được việc này. Bà P nói nếu muốn giúp thì bà T4 phải cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc thu hồi đất và đưa tiền để bà P quan hệ. Do tin tưởng lời nói của bà P nên bà T4 đã đưa cho bà P các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến việc thu hồi đất (cụ thể giấy tờ gì bà T4 không nhớ) và tổng số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), để bà P đi xin đất tái định cư. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền và hồ sơ từ bà T4, bà P không thực hiện việc xin đất bố trí tái định cư cho bà T4 và sử dụng hết số tiền nêu trên vào mục đích cá nhân.

2. Chiếm đoạt tiền của và Trần Thị P1 (Ty) số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng):

Khoảng tháng 9/2014, quen biết từ việc đi nhà thờ, Lê Thiện Chân P đã liên hệ với bà P1 để mượn tiền với lý do cần tiền để mua nhà. Tuy nhiên, bà P1 yêu cầu bà P phải có giấy tờ, tài sản có giá trị để thế chấp mới cho vay. Vì cần tiền gấp để trả nợ các khoản vay mượn ngoài xã hội và không có tài sản gì có giá trị để thế chấp. Do đó, bà P

đã nảy sinh ý định nhờ người làm giả một Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (sau đây gọi tắt là GCNQSHNƠ và QSDĐƠ) số 3409764205, đứng tên cha mẹ bà P là ông Lê Thiện Tr và bà Đào Thị Hồng L, đối với nhà và đất tại số 90 Đường H, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Sau khi có được GCNQSHNƠ và QSDĐƠ giả nêu trên, bà P dùng giấy này thế chấp cho bà P1 (Ty) vay nhiều lần với tổng số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Đến ngày 16/9/2014 bà P viết cho bà P1 giấy mượn tiền với tổng số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), hẹn sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền này vào ngày 16/6/2015, hai bên thống nhất số tiền lãi bà P phải trả cho bà P1 một tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Theo các bên có liên quan khai nhận, bà P đã thực hiện việc trả lãi cho bà P1 đến tháng 02/2015 với tổng số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) rồi không trả nữa. Bà P1 nhiều lần đòi lại tiền thì được bà P trả thêm 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Sau đó bà P luôn tìm cách khất nợ, cố tình trốn tránh để chiếm đoạt số tiền còn lại. Số tiền chiếm đoạt được từ bà P1, bà P đã sử dụng vào mục đích trả nợ cá nhân, hoàn toàn không sử dụng vào mục đích mua nhà như đã nói với bà P1.

3. Chiếm đoạt của ông Đoàn Ngọc Thanh Q số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng):

Tháng 11/2014, bà P lại nhờ làm giả một GCNQSDĐ số AE682159, đứng tên Lê Thiện Chân P đối với thửa đất số: 81-AG, tờ bản đồ số KT01/2 khu tái định cư HK, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Ngày 14/11/2014, bà P đã sử dụng GCNQSDĐ giả này để thế chấp vay của ông Đoàn Ngọc Thanh Q số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), với lý do cần tiền buôn bán dịp Tết và được ông Q cho vay.

Đến tháng 01/2015, bà P tiếp tục nhờ làm giả một GCNQSHNƠ và QSDĐƠ số 3401753971, đứng tên cha mẹ bà P là ông Lê Thiện Tr và bà Đào Thị Hồng L, đối với nhà và đất tại số 90 Đường H, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Bà P tiếp tục sử dụng GCNQSHNƠ và QSDĐƠ giả này để thế chấp cho ông Q vay thêm số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Vì GCNQSHNƠ và QSDĐƠ giả này không đứng tên Lê Thiện Chân P nên ông Q yêu cầu phải có hợp đồng ủy quyền mới chấp nhận. Do đó, Lê Thiện Chân P tiếp tục nhờ làm giả một hợp đồng công chứng số 4523/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng S để đưa cho ông Q. Nội dung thể hiện việc ủy quyền từ bà Đào Thị Hồng L sang cho Lê Thiện Chân P toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với nhà và đất tại số 90 Đường H, thành phố Đà Nẵng. Từ số giấy tờ, tài liệu giả nêu trên Lê Thiện Chân P đã lấy được của ông Q tổng số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Theo Lê Thiện Chân P khai nhận, sau khi nhận đủ số tiền nêu trên từ ông Q, bà P đã trả cho ông Q được khoảng 10 tháng tiền lãi, với tổng số tiền 11.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) trên một tháng và trả góp nhiều lần được tổng số tiền

80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), việc trả tiền cho ông Q không có giấy tờ, tài liệu gì thể hiện. Bà P khai nhận, việc trả lãi hàng tháng và trả góp số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) với mục đích tạo uy tín nhằm kéo dài thời gian, tránh bị ông Q phát hiện số giấy tờ đang thế chấp là giấy tờ giả. Bản thân bà P thừa nhận đã mất khả năng chi trả từ trước khi vay tiền của ông Q. Thời điểm từ cuối năm 2016 đến khoảng tháng 5/2017, bà P không trả tiền cho ông Q nữa, luôn tìm cách hèn nợ và trốn tránh việc tìm kiếm của ông Q. Số tiền chiếm đoạt của ông Q bà P đã sử dụng hết vào mục đích trả nợ cá nhân và để lại 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) để trả lãi hai tháng đầu tiên cho ông Q. Qua làm việc, ông Q cũng công nhận toàn bộ nội dung bà P khai về quá trình bà P vay và trả tiền với ông Q là phù hợp.

4. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Thanh Th1 số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*):

Thời điểm tháng 3/2016, với thủ đoạn tương tự như trên, bà P đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BV324430, đứng tên Lê Thiện Chân P đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 2, có địa chỉ Lô B7.1 đường Đ, phường H1, quận N, thành phố Đà Nẵng để thế chấp vay tiền của bà Trần Thị Thanh Th1 nhiều lần rồi chiếm đoạt, cụ thể:

Theo bà P khai nhận: Sau khi thế chấp GCNQSDĐ giả cho bà Th1, bà P đã mượn tiền của Th1 nhiều lần, với tổng số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*). Bà Th1 đã yêu cầu bà P viết giấy bán lô đất nêu trên cho bà Th1, với giá tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), đã nhận số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*) làm tiền đặt cọc và hẹn 30 ngày sau làm thủ tục công chứng. Do đã mất khả năng chi trả và biết rõ GCNQSDĐ trên là giả, không thể nào làm thủ tục công chứng cho bà Th1 được nên bà P tìm cách trốn tránh. Đến ngày 24/3/2017, bà Th1 đến nhà chồng của em gái bà P là Lê Thiện Quế A để giải quyết chuyện nợ nần riêng với Th1. Biết được thông tin này bà P đã điện thoại cho bà Th1, nói bà Th1 về nhà số 90 Đường H, thành phố Đà Nẵng để giải quyết các vấn đề có liên quan với bà P trước. Tại đây, bà Th1 yêu cầu bà P viết giấy mượn tiền với số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), bao gồm 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*) là tiền bà P nợ và số tiền 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) là tiền Lê Thiện Quế A nợ bà Th1. Bà Th1 yêu cầu phải có người bảo lãnh ký xác nhận, thời điểm đó bà Hồ Mỹ L1 đang có mặt tại đây nên bà P đã nhờ bà L1 ký bảo lãnh để bà Th1 chấp nhận. Sau ngày 24/3/2017, bà P đã trả cho bà Th1 được tổng số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), trong đó 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) có giấy nhận tiền của bà Th1 và 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) không có giấy tờ gì thể hiện. Vì không thể trả tiền cho Th1 được nữa nên bà P tìm cách hèn nợ và lẩn tránh Th1. Tuy nhiên, đến ngày 18/5/2017 bà Th1 đã tìm gặp bà P và buộc bà P phải viết giấy thỏa thuận, với nội dung còn nợ bà Th1 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), nếu không trả đủ tiền cho bà Th1,

thì bà P phải làm thủ tục công chứng sang tên lô đất có liên quan theo GCNQSDĐ đã thế chấp cho bà Th1. Sau khi viết giấy thỏa thuận này, biết rõ đây là giấy tờ giả và không có tiền để trả lại đủ cho Th1 nên bà P đã tìm cách tránh né bà Th1 và suy nghĩ để bà Th1 muốn làm gì bà P thì làm. Bà P chỉ thừa nhận hiện tại bà P chỉ còn nợ lại và Th1 số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Số tiền chiếm đoạt của bà Th1, bà P đã sử dụng vào việc trả nợ cá nhân.

Theo lời khai của bà Trần Thị Thanh Th1: Từ khi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên, bà P đã nhiều lần mượn tiền của bà Th1. Đến ngày 24/3/2017, bà P đã nợ của Th1 tổng số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) và bà Th1 buộc bà P viết giấy mượn tiền và nhờ người ký bảo lãnh. Khoản tiền này theo bà Th1 là khoản nợ riêng của bà P với bà Th1, không liên quan gì đến bà Lê Thiện Quế A. Sau khi viết giấy mượn tiền ngày 24/3/2017, bà P đã trả cho bà Th1 tổng cộng 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), rồi tìm cách lẩn trốn, không trả tiền cho bà Th1. Do vậy, ngày 18/5/2017 khi tìm gặp được bà P, bà Th1 đã yêu cầu bà P viết giấy thỏa thuận với nội dung đang nợ bà Th1 số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) với căn cứ là nội dung giấy thỏa thuận ngày 18/5/2017.

Theo lời khai của bà Hồ Mỹ L1: Ngày 24/3/2017, khi bà L1 đang ngồi chơi cùng bà P và bà Quế A, tại nhà 90 Đường H, thành phố Đà Nẵng, bà L1 có chứng kiến toàn bộ sự việc viết giấy mượn tiền giữa bà P và bà Th1. Bà L1 đã ký xác nhận bảo lãnh vào giấy mượn tiền này do bà P năn nỉ quá nhiều và bà L1 cũng không thu được lợi ích gì từ việc ký bảo lãnh này. Theo ghi nhận từ bà L1, thì số tiền nợ theo giấy mượn tiền ngày 24/3/2017 mà bà P viết cho bà Th1, bao gồm tổng số tiền nợ bà Th1 của bà P và bà Quế A, còn cụ thể số tiền nợ của từng người là bao nhiêu thì bà L1 không nắm được.

Qua xác minh, xác định hiện nay bà Lê Thiện Quế A đã đi khỏi nơi cư trú, nên không thể mời làm việc để xác định các nội dung có liên quan.

Ngày 21/12/2017, Cơ quan điều tra tiến hành cho bà Trần Thị Thanh Th1 đối chất với Lê Thiện Chân P nhưng bà Th1 không có mặt theo yêu cầu, do đó việc đối chất không thể thực hiện. Tiến hành xác minh tại địa chỉ cư trú của bà Th1 tại số 08 đường C1, phường H2, quận C2, thành phố Đà Nẵng thì được biết bà Th1 do liên tục bị đòi nợ nên đã bỏ đi khỏi địa phương.

Nhận thấy, ngoài lời khai ra bà P không có cơ sở gì để chứng minh tính đúng đắn của những nội dung đã khai. Về phía bà Th1, ngoài những nội dung đã trình bày bà Th1 còn cung cấp các giấy thỏa thuận, giấy mượn tiền do bà P viết để chứng minh số tiền bị bà P chiếm đoạt là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*). Từ kết quả điều tra nêu trên, xét thấy nội dung mà bà Th1 trình bày là hợp lý, có cơ sở để xem xét.

5. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Cẩm T số tiền 1.970.000.000đ (*Một tỷ, chín trăm bảy mươi triệu đồng*):

Tháng 12/2016, do áp lực từ việc bị đòi nợ, với cùng thủ đoạn nêu trên, Lê Thiện Chân P tiếp tục sử dụng GCNQSHNƠ và QSDĐƠ số 3401572981, đứng tên Lê Thiện Chân P đối với nhà và đất tại số 90 Đường H, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng để thế chấp cho bà Trần Thị Cẩm T vay tiền nhiều lần rồi chiếm đoạt, cụ thể:

Tháng 12/2016, do cần số tiền lớn để trả nợ thông qua ông Võ Anh Đ1, bà P đã vay tiền của bà T với tài sản thế chấp là nhà, đất tại số 90 Đường H. Sau khi xem nhà, đất tại đây bà T chấp nhận cho bà P vay số tiền 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), với hình thức lập hợp đồng công chứng chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho con trai nuôi của bà T là Phạm Ngọc T1. Ngày 19/12/2016, tại Văn phòng công chứng S hai bên đã ký kết xong hợp đồng công chứng số tiền 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) hai bên thống nhất thời hạn vay ba tháng. Nếu bà P không có tiền trả thì bà T sẽ căn cứ giá thị trường để mua lại căn nhà này và số tiền đã đưa xem như là tiền cọc. Ngày 21/4/2017, bà P tiếp tục mượn từ bà T số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu đồng*), bà T yêu cầu bà P viết giấy mượn tiền gộp cả khoản tiền đã nhận tại công chứng và khoản vay này thành giấy mượn tiền ngày 21/4/2017, với số tiền 1.700.000.000đ (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*) và ghi tên người cho mượn là Nguyễn Văn T2 (con trai bà T). Đến ngày 06/5/2017, bà P tiếp tục vay thêm 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và ghi giấy mượn tiền ngày 06/5/2017, người cho mượn là chị T (Nguyễn Văn T2). Chiều cùng ngày bà P vay thêm 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) và viết thêm giấy mượn số tiền này.

Đến ngày 31/5/2017, sau nhiều lần liên hệ bà P để đòi tiền nhưng không được nên bà T đã cùng Phạm Ngọc T1 liên hệ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận T6, thành phố Đà Nẵng để làm thủ tục sang tên đổi chủ, đối với nhà đất mà bà P đã thế chấp, khi đó mới phát hiện đây là giấy tờ giả. Bà T xác nhận tổng số tiền bị bà P chiếm đoạt là 1.970.000.000đ (*Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*).

Đối với trường hợp này bà P khai chỉ nhận từ bà T tổng cộng 1.556.000.000đ (*Một tỷ, năm trăm năm sáu triệu đồng*) đã trả lãi 118.000.000đ (*Một trăm mười tám triệu đồng*) còn lại 1.438.000.000đ (*Một tỷ, bốn trăm ba tám triệu đồng*) nhưng không có tài liệu chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Ngoài ra, qua điều tra, xác minh xác định: Trong tháng 3/2015, Lê Thiện Chân P đã sử dụng một GCNQSDĐ giả số AD677675, đứng tên Lê H4 và Lê Thiện Chân P đối với thửa đất số 04 - B10, tờ bản đồ số KT01/1 tại địa chỉ khu tái định cư HK, quận T6, thành phố Đà Nẵng, để thế chấp cho bà Dương Thị A1 vay tổng số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, bà A1 đã từ chối làm việc với cơ quan điều tra vì nhiều lý do cá nhân. Bà A1 cam kết không có yêu cầu về việc bồi thường số tiền bị chiếm đoạt và không có đề nghị gì đối với cơ quan điều tra về xử lý hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Lê Thiện Chân P thực hiện.

Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại là **2.915.000.000đ** (*Hai tỷ chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tại Kết luận giám định số 53/C54 ngày 28/2/2018 và số 54/54 ngày 02/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự BCA kết luận chữ viết chữ ký trên tất cả các chứng từ là của Lê Thiện Chân P.

Tại Kết luận giám định số 367/GĐ-HS ngày 21/6/2017 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng và số 39/C54 ngày 22/2/2018; số 40/C54 ngày 02/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự BCA kết luận 06 giấy CNQSDĐ và 01 hợp đồng ủy quyền nói trên là giả.

*** Đối với việc Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức:**

Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, để thực hiện hành vi lừa đảo như nội dung đã nêu trên, Lê Thiện Chân P đã nhờ Tô Thị M - làm việc tại Trung tâm dịch thuật, tư vấn du học tại số 360 đường Đ2, quận H3, thành phố Đà Nẵng làm giả tất cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng hợp đồng công chứng ủy quyền nói trên.

Tô Thị M thừa nhận những giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất giả và 01 (Một) Hợp đồng ủy quyền giả nêu trên, đều do bà M nhận thông tin từ bà P rồi đưa cho đối tượng T1 làm (họ tên đầy đủ, địa chỉ cư trú không rõ, số điện thoại liên hệ 0971.619.007), với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) trên một GCNQSDĐ giả và 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho một hợp đồng ủy quyền giả. Thông tin về địa chỉ nhà và đất tại số 90 Đường H, thành phố Đà Nẵng do bà P cung cấp, các địa chỉ đất còn lại do ông T1 tự đưa vào. Toàn bộ việc giao nhận thông tin, tiền và các giấy tờ, tài liệu giả nêu trên đều diễn ra tại Văn phòng làm việc của bà M tại số 360 đường Đ2, quận H3, thành phố Đà Nẵng. Quá trình giao dịch, M chỉ đưa cho T1 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho một Giấy chứng nhận nhà, đất giả và 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho Hợp đồng ủy quyền giả. Tổng cộng bà M đã nhận từ bà P số tiền 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng*), bà M thu lợi bất chính số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) và chuyển cho T1 số tiền 22.000.000đ (*Hai mươi hai triệu đồng*). Việc bà P liên tục nhờ làm giấy tờ giả nên bà M thắc mắc với bà P về mục đích sử dụng số giấy tờ, tài liệu giả này. Khi được M hỏi về mục đích sử dụng bà P nói dối rằng sử dụng để chứng minh tài sản khi làm thủ tục đi du lịch tại nước Mỹ và nước Úc, các GCNQSDĐ giả được bà P hủy bỏ sau khi phỏng vấn, do vậy khi nào có nhu cầu dùng đến phải nhờ bà M làm lại. Bà M tin tưởng lời nói của bà P nên nhận làm giấy tờ giả để thu lợi bất chính và hoàn toàn không biết việc bà P sử dụng số giấy tờ, tài liệu giả này để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nhận thức được việc làm trái pháp luật của mình nên bà M đã tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) thu lợi bất hợp pháp.

Ngoài ra, trong thời gian này, bà P còn giới thiệu em gái của mình là Lê Thiện Quế A đến gặp bà M để nhờ làm giả một GCNQSDĐ số AD673259, đứng tên Phạm Văn C3 (chồng bà Anh) và Lê Thiện Quế A.

Ngoài ra, khoảng tháng 4/2016 thông qua việc làm thủ tục du học bà M đã nhận làm giả cho bà Trần Thị Phương T7, sinh năm 1996, cư trú tại: K21/40 Nguyễn Văn Huê, quận T6, thành phố Đà Nẵng, một GCNQSDĐ bìa màu đỏ, số AD157227 đứng tên ông Trần Thành N1 và bà Hoàng Thị Kim L2 là cha mẹ của bà T7.

Cơ quan điều tra đã xác minh và làm việc với Nguyễn Hữu T1 nhưng T1 không thừa nhận việc làm giả tài liệu, không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

*** Tang vật tạm giữ:**

- 01 (một) GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 324430 đứng tên Lê Thiện Chân P.

- 01 (một) GCN quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401672981 đứng tên Lê Thiện Chân P.

- 01 (một) quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3409764205 đứng tên Lê Thiện Tr và Đào Thị Hồng L.

- 01 (một) GCNQSDĐ số AE682159 đứng tên Lê Thiện Chân P.

- 01 (một) GCN quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401753971 đứng tên Lê Thiện Tr và Đào Thị Hồng L.

- 01 (một) GCNQSDĐ số AD 673259 đứng tên Phạm Văn C3 và Lê Thiện Quế A.

- 01 (một) GCNQSDĐ số AD 157227 đứng tên Trần Thành N1 và Hoàng Thị Kim L2.

- 01 (một) hợp đồng ủy quyền công chứng số 4523/Tp/CC-SCC/HĐGD thực hiện tại Văn phòng công chứng S.

- 01 (một) giấy mượn tiền do Lê Thiện Chân P viết cho bà Trần Thị P1 đề ngày 16/9/2014.

- 02 (hai) giấy mượn tiền do Lê Thiện Chân P viết cho Đoàn Ngọc Thanh Q đề ngày 14/11/2014 và 18/1/2015.

- 01 (một) giấy bán đất đề ngày 12/9/2016; giấy mượn tiền đề ngày 24/3/2017 và giấy thỏa thuận ngày 18/5/2017 do Lê Thiện Chân P viết cho Trần Thị Thanh Th1.

- 03 (ba) giấy mượn tiền vào các ngày 21/4/2017; 06/5/2017 do Lê Thiện Chân P viết cho Trần Thị Cẩm T.

- 01 (một) tờ giấy vỡ học sinh có thống kê các lần trả nợ cho Trần Thị Thanh Th1 do Lê Thiện Chân P cung cấp.

- Số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) do Tô Thị M giao nộp.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 70/2018/HSST ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thiện Chân P** phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức*”; Bị cáo **Tô Thị M** phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức*”

1. Căn cứ vào: Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm b khoản 2 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 55 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

***Xử phạt: Lê Thiện Chân P: 12(Mười hai)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **02(Hai)** năm tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là: **14 (Mười bốn)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/9/2017.

2. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

***Xử phạt: Tô Thị M: 18 (Mười tám)** tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của bị cáo, những người tham gia tố tụng.

Ngày 21/11/2018 bị cáo Tô Thị M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 23/11/2018 người bị hại bà Trần Thị Cẩm T kháng cáo về phần dân sự, đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị buộc Văn phòng công chứng S phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.970.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm hành vi phạm tội của bị cáo Tô Thị M là nghiêm trọng, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, là mẹ đơn thân có con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để được hưởng án treo nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo của người bị hại yêu cầu Văn phòng công chứng S có trách nhiệm bồi thường khi chứng thực căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, xét thấy việc chứng thực của Văn phòng công chứng S là chứng thực giao dịch dân sự, vấn đề phân biệt tài liệu thật hay giả, mất thường khó có thể xác định, do vậy không thể buộc Văn phòng công chứng S có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại được, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Chân P cho rằng Văn phòng công chứng S đã có lỗi khi chứng thực giao dịch dân sự giữa bị cáo Pg và bà Trần Thị Cẩm T, cần phải tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra, nên đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Mặc dù bị cáo Lê Thị Chân P không có kháng cáo đã được Tòa án trích xuất hợp lệ, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có mặt không có lý do, sau khi nghe ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo, ý kiến của đại diện của người bị hại, của đại diện

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Tô Thị M tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, bị cáo làm dịch vụ dịch thuật, tư vấn du học nên đã quen biết với Lê Thiện Chân P. Sau đó, P đã nhiều lần nhờ bị cáo làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng ủy quyền, ... với giá 5.000.000 đồng/Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 2.000.000 đồng/Hợp đồng ủy quyền. Khi nhờ P nói với bị cáo mục đích làm giả các giấy tờ trên là để làm thủ tục đi du lịch; do thường xuyên làm hồ sơ tư vấn cho khách hàng nên bị cáo tin tưởng P. Bị cáo đã đồng ý và nhiều lần nhận làm giúp cho P các giấy tờ giả nêu trên. Tổng cộng bị cáo đã nhận của P số tiền 37.000.000 đồng và đưa lại cho một người tên T1 số tiền 22.000.000 đồng để trực tiếp làm giả các giấy tờ theo yêu cầu của P; bị cáo thu lợi bất chính 15.000.000 đồng. Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Tô Thị M “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Tô Thị M, thấy : Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự; gián tiếp tạo điều kiện cho bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Mặt khác bị cáo đã phạm tội nhiều lần trong thời gian dài, nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, không đề cập đến tình tiết bị cáo làm giả tài liệu về số lượng, về giá trị thu lợi bất chính, tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không nặng; mức hình phạt trên là thỏa đáng, tương xứng với hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra. Do đó kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo yêu cầu buộc Văn phòng công chứng S phải bồi thường toàn bộ số tiền do bị cáo P chiếm đoạt của người bị hại Trần Thị Cẩm T, thấy: Trong vụ án này, bị cáo Lê Thiện Chân P đã dùng thủ đoạn gian dối, làm giả Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tại số 90 đường H, thành phố Đà Nẵng để thế chấp cho bà Trần Thị Cẩm T vay nhiều lần với số tiền 1.970.000.000 đồng; hình thức thế chấp là lập hợp đồng công chứng chuyển nhượng nhà, đất nêu trên

cho con nuôi của bà T. Quá trình hai bên lập hợp đồng, tiến hành công chứng, chức thực tại Văn phòng công chứng S, Công chứng viên đã thực hiện đúng các quy trình, thủ tục hiện hành của pháp luật về lĩnh vực công chứng, chứng thực nhưng không phát hiện được Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở nêu trên là giả nên đã tiến hành công chứng, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng. Quá trình điều tra, truy tố bà Trần Thị Cẩm T không có yêu cầu xem xét trách nhiệm đối với Văn phòng công chứng S mà chỉ yêu cầu cơ quan chức năng thu hồi tài sản do bị cáo P chiếm đoạt lại cho bà; mặt khác cũng không có căn cứ nào thể hiện Công chứng viên biết các giấy tờ nêu trên là giả mà vẫn tiến hành công chứng, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng nêu trên nên các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm đối với Văn phòng công chứng S là phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T có yêu cầu xem xét trách nhiệm đối với Văn phòng công chứng S, nhưng qua giải thích các quy định pháp luật của Hội đồng xét xử bà T không có ý kiến gì khác và thống nhất yêu cầu bị cáo P phải trả cho bà 1.970.000.000 đồng, bị cáo P đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, đối với yêu cầu của bà T về việc buộc Văn phòng công chứng S phải bồi thường toàn bộ số tiền do bị cáo P chiếm đoạt chưa được người bị hại yêu cầu trong quá trình điều tra, truy tố và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể xem xét giải quyết. Nếu có đủ căn cứ cho rằng Văn phòng công chứng S có lỗi trong quá trình thực hiện công chứng, chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại số 90 đường H, thành phố Đà Nẵng thì bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết theo những quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Cẩm T, không chấp nhận quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Chân P, của đại diện của người bị hại yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận bị cáo Tô Thị M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Thị M, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tô Thị M 18 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2/ Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Trần Thị Cẩm T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo Lê Thiện Chân P đối với người bị hại Trần Thị Cẩm T.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Thiện Chân P phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền 1.970.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Bị cáo Tô Thị M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn